Họ và tên: ……

Lớp: ……

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 2

Môn: Toán – Lớp 5

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (*Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng*)

Câu 1. Số thập phân gồm *7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn* viết là:

A. 73,9000 B. 73,009 C. 73,09 D. 73,0009

Câu 2. Hỗn số $31\frac{5}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 31,05 B. 31,5 C. 5,31 D. 3,15

Câu 3. Số thập phân bé nhất trong các số 241,25 ; 241,205 ; 240,98 ; 240,908 là:

A. 241,25 B. 241,205 C. 240,98 D. 240,908

Câu 4. Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm của *15 l 78 ml = …… l* là:

A. 15,78 B. 157,8 C. 15,078 D. 1,578

Câu 5. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm 2 km^2 5ha …… 2,5 km^2 là:

A. > B. < C. = D. Không xác định được

Câu 6. Một khu đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 210 m, chiều rộng bằng $\frac{5}{7}$ chiều dài. Hỏi khu đất đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

A. 3,15 ha B. 15 ha C. 31,5 ha D. 1,5 ha

I. TỰ LUẬN

Câu 1. Hoàn thành bảng sau:

Phân số	Phân số thập phân	Số thập phân
$\frac{7}{20}$		
$\frac{13}{25}$		
$\frac{3}{125}$		

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức.

$\frac{3}{4}+\frac{5}{8}-\frac{1}{24}$ $5\frac{1}{3}-\frac{4}{3}\times\frac{9}{20}$

……

……

……

……

……

Câu 3. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 29 kg 35 g = …….. kg

b) 18 dm^2 40 cm^2 = …… dm^2

c) 6 ha 250 m^2 = …… ha

d) 75 200 ha = …… km^2

Câu 4. Gia đình Nam có một thửa ruộng dạng hình chữ nhật có chiều dài 60 m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Gia đình Nam trồng lúa trên thửa ruộng đó. Cứ 1 m^2 thu hoạch được $\frac{6}{5}$ kg thóc. Hỏi:

a) Gia đình Nam thu được bao nhiêu tạ thóc trên thửa ruộng đó?

b) Biết mỗi ki-lô-gam thóc được mua với giá là 16 500 đồng. Vậy nếu bán hết số thóc đó thì gia đình Nam thu được bao nhiêu tiền?

……

……

……

……

……

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số thập phân gồm *7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn* viết là:

A. 73,9000 B. 73,009 C. 73,09 D. 73,0009

Phương pháp

Muốn viết (hoặc đọc) số thập phân, trước hết viết (hoặc đọc) phần nguyên, viết (hoặc đọc) dấu phẩy, sau đó viết (hoặc đọc) phần thập phân.

Lời giải

Số thập phân gồm *7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn* viết là: **73,009**

Đáp án: B

Câu 2. Hỗn số $31\frac{5}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 31,05 B. 31,5 C. 5,31 D. 3,15

Phương pháp

Áp dụng cách viết $\frac{1}{100} = 0,01$

Lời giải

Hỗn số $31\frac{5}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là: 31,05

Đáp án: A

Câu 3. Số thập phân bé nhất trong các số 241,25 ; 241,205 ; 240,98 ; 240,908 là:

A. 241,25 B. 241,205 C. 240,98 D. 240,908

Phương pháp

So sánh các số thập phân theo quy tắc đã học

Lời giải

Ta có 240,908 < 240,98 < 241,205 < 241,25

Vậy số thập phân bé nhất trong các số đã cho là 240,908

Đáp án: D

Câu 4. Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm của *15 l 78 ml = ... l* là:

A. 15,78 B. 157,8 C. 15,078 D. 1,578

Phương pháp

Chuyển về hỗn số có chứa phân số thập phân rồi viết dưới dạng số thập phân.

Lời giải

Ta có: 15 l 78 ml = $15\frac{78}{1000}$ l = 15,078 l

Đáp án: C

Câu 5. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm 2 km^2 5ha …… 2,5 km^2 là:

A. > B. < C. = D. Không xác định được

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 km^2 = 100 ha

Lời giải

Đổi: 2 km^2 5ha = 2,05 km^2

Vậy 2 km^2 5ha < 2,5 km^2

Đáp án: B

Câu 6. Một khu đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 210 m, chiều rộng bằng $\frac{5}{7}$ chiều dài. Hỏi khu đất đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

A. 3,15 ha B. 15 ha C. 31,5 ha D. 1,5 ha

Phương pháp

- Tìm chiều rộng khu đất = chiều dài x $\frac{5}{7}$

- Diện tích khu đất = chiều dài x chiều rộng

Lời giải

Chiều rộng khu đất là $210 \times \frac{5}{7} = 150$ (m)

Diện tích khu đất là: 210 x 150 = 31 500 (m2) = 3,15 ha

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Hoàn thành bảng sau:

Phân số	Phân số thập phân	Số thập phân
$\frac{7}{20}$		
$\frac{13}{25}$		
$\frac{3}{125}$		

Phương pháp

Nhân hoặc chia cả tử số và mẫu số với cùng một số tự nhiên khác 0 để được phân số có mẫu số là 10, 100, 1000, …

Lời giải

Phân số	Phân số thập phân	Số thập phân
$\frac{7}{20}$	$\frac{35}{100}$	0,35
$\frac{13}{25}$	$\frac{52}{100}$	0,52
$\frac{3}{125}$	$\frac{24}{1000}$	0,024

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức.

$\frac{3}{4}+\frac{5}{8}-\frac{1}{24}$ $\qquad$ $5\frac{1}{3}-\frac{4}{3}\times\frac{9}{20}$

Phương pháp

Thực hiện tính theo các quy tắc đã học

Lời giải

$\frac{3}{4}+\frac{5}{8}-\frac{1}{24}=\frac{18}{24}+\frac{15}{24}-\frac{1}{24}=\frac{32}{24}=\frac{4}{3}$

$5\frac{1}{3}-\frac{4}{3}\times\frac{9}{20}=\frac{16}{3}-\frac{4}{3}\times\frac{9}{20}=\frac{16}{3}-\frac{3}{5}=\frac{80}{15}-\frac{9}{15}=\frac{71}{15}$

Câu 3. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 29 kg 35 g = …….. kg $\qquad$ b) 18 dm^2 40 cm^2 = …… dm^2

c) 6 ha 250 m^2 = …… ha $\qquad$ d) 75 200 ha = …… km^2

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

1 g = $\frac{1}{1000}$ kg ; 1 cm^2 = $\frac{1}{100}$ dm^2

1m^2 = $\frac{1}{10000}$ ha ; 1ha = $\frac{1}{100}$ km^2

Lời giải

a) 29 kg 35 g = **29,035** kg $\qquad$ b) 18 dm^2 40 cm^2 = **18,4** dm^2

c) 6 ha 250 m^2 = **6,025** ha $\qquad$ d) 75 200 ha = **752** km^2

Câu 4. Gia đình Nam có một thửa ruộng dạng hình chữ nhật có chiều dài 60 m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Gia đình Nam trồng lúa trên thửa ruộng đó. Cứ 1 m^2 thu hoạch được $\frac{6}{5}$ kg thóc. Hỏi:

a) Gia đình Nam thu được bao nhiêu tạ thóc trên thửa ruộng đó?

b) Biết mỗi ki-lô-gam thóc được mua với giá là 16 500 đồng. Vậy nếu bán hết số thóc đó thì gia đình Nam thu được bao nhiêu tiền?

Phương pháp

a) Tìm chiều rộng của thửa ruộng = Chiều dài : 4

Diện tích thửa ruộng = Chiều dài x chiều rộng

Tìm số kg thóc thu được = Diện tích thửa ruộng x $\frac{6}{5}$

Đổi sang đơn vị tạ

b) Số tiền thu được = giá tiền mỗi kg thóc x Số kg thóc thu được

Lời giải

a) Chiều rộng của thửa ruộng là:

60 : 4 = 15 (m)

Diện tích của thửa ruộng là:

60 x 15 = 900 (m)

Gia đình Nam thu được số tạ thóc trên thửa ruộng đó là:

$900 \times \frac{6}{5} = 1080$ (kg) = 10,8 (tạ)

b) Nếu bán hết số thóc đó thì gia đình Nam thu được số tiền là:

16 500 x 1 080 = 17 820 000 (đồng)

Đáp số: a) 10,8 tạ

b) 17 820 000 đồng